TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C
TỈNH KHÁNH HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 22/2017/DS-ST
Ngày: 29/9/2017
V/v: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C - TỈNH KHÁNH HOÀ

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoài Tâm
Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Thị Bội Hoàn
2. Ông Thái Cao Bình

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Đoàn Thị Hà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa*:** Ông Hoàng Anh Trí – Kiểm sát viên.

Ngày 29/9/2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 63/2016/TLST-DS ngày 12/12/2016 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2017/QĐXXST-DS ngày 08/9/2017, Quyết đinh hoãn phiên tòa số 18/2017/QĐST-DS ngày 14/9/2017 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN N

Địa chỉ: số 201-203, đường C, phường 4, quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.
Địa chỉ chi nhánh: số 26, đường T, phường P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

Đại diện cho Ngân hàng Thương mại cổ phần (viết tắc là TMCP) N có bà Nguyễn Thị Cẩm N – Giám đốc Phòng giao dịch T – Chi nhánh N theo văn bản ủy quyền số 355/2015/UQ-NHNA-06 ngày 31/12/2015 của Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP N. (Có mặt)

* *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn H – sinh năm: 1975
Địa chỉ: thôn T, xã S, huyện C, tỉnh Khánh Hòa. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 12/01/2016, bản tự khai ngày 24/6/2016, ngày 30/8/2016, ngày 29/3/2017, biên bản lấy lời khai ngày 30/8/2016 và tại phiên tòa người đại diện cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP N là bà Nguyễn Thị Cẩm N trình bày:

Ngày 18/7/2014, ông Nguyễn Văn H có vay vốn tại Ngân hàng TMCP N – Phòng giao dịch T, Chi nhánh N theo Hợp đồng tín dụng số 0104/2014/409 ngày 18/7/2014, cụ thể như sau:

- Số tiền vay: 750.000.000 đồng theo giấy nhận nợ số 0104-01/2014/409 ký ngày 19/7/2014

- Thời hạn vay: 12 tháng
- Ngày vay: 18/7/2014
- Hạn trả: 18/7/2015
- Lãi suất vay: 12%/năm
- Lãi suất quá hạn: 18%/năm
- Mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông Nguyễn Văn H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi phát sinh cho Ngân hàng. Tính đến ngày 29/9/2017, ông Nguyễn Văn H còn nợ Ngân hàng TMCP N số tiền là 1.059.375.000 đồng, trong đó: Nợ gốc là 750.000.000 đồng, nợ lãi: 309.375.000 đồng (lãi trong hạn : 7.500.000 đồng và lãi quá hạn : 301.875.000 đồng).

Mặc dù, phía ngân hàng đã nhiều lần đến nhà để làm việc với ông H nhưng ông H cố tình né tránh, không có thiện chí trả nợ.

Nay đại diện cho Ngân hàng TMCP N, bà Nguyễn Thị Cẩm N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn H có nghĩa vụ thanh toán tổng số tiền là 1.059.375.000 đồng (Tính đến hết ngày 29/9/2017) và toàn bộ tiền lãi phát sinh từ ngày 30/9/2017 đến khi ngân hàng thu hồi toàn bộ nợ gốc.

Tài sản đảm bảo cho khoản vay trên là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 1563, tờ bản đồ số 03 tọa lạc tại thôn T, xã S, huyện C, tỉnh Khánh Hòa theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng (viết tắt GCNQSD) đất số BA 753969, số vào sổ cấp GCN: CH00103 do UBND huyện C, tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 07/6/2010; quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 1565, tờ bản đồ số 03 tọa lạc tại thôn T, xã S, huyện C, tỉnh Khánh Hòa theo GCNQSD đất số AL 007677, số vào sổ cấp GCN: H00226 do UBND huyện C, tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 18/8/2008; quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 1566, tờ bản đồ số 03 tọa lạc tại thôn T, xã S, huyện C, tỉnh Khánh Hòa theo GCNQSD đất số AL 065816, số vào sổ cấp GCN: H00208 do UBND huyện C, tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 08/7/2008; quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 1567, tờ bản đồ số 03 tọa lạc tại thôn T, xã S, huyện C, tỉnh Khánh Hòa theo GCNQSD đất số BC 934653, số vào sổ cấp GCN: CH00248 do UBND huyện C, tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 16/3/2011 và quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 1568, tờ bản đồ số 03 tọa lạc tại thôn T, xã S, huyện C, tỉnh Khánh Hòa theo GCNQSD đất số BC 934805, số vào sổ cấp GCN: CH00224 do UBND huyện C, tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 31/12/2010. Toàn bộ tài sản thế chấp thuộc sở hữu của ông Nguyễn Văn H. Nếu ông Nguyễn Văn H không trả được nợ thì đề nghị tiến hành xử lý, phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát có ý kiến như sau:

- Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn H không chấp hành các thông báo, quyết định tố tụng của Toà án trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa.

- Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát cho rằng yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông Nguyễn Văn H phải trả cho Ngân hàng TMCP N 1.059.375.000 đồng, trong đó: nợ gốc là 750.000.000 đồng, nợ lãi là 309.375.000 đồng.

Trường hợp ông Nguyễn Văn H không thanh toán được khoản tiền trên cho Ngân hàng TMCP N thì tài sản thế chấp được xử lý theo các cam kết của hợp đồng thế chấp tài sản mà các bên đã ký hoặc yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự kê biên, bán tài sản đã thế chấp để đảm bảo việc thu hồi nợ.

Trường hợp ông Nguyễn Văn H thanh toán xong các khoản tiền nợ gốc và lãi thì Ngân hàng TMCP N phải trả lại cho ông Nguyễn Văn H các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã thế chấp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngân hàng TMCP N khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Khánh Hòa yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn H phải trả nợ gốc, lãi phát sinh và xử lý tài sản thế chấp, đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng tín dụng. Ban đầu, Tòa án nhân dân huyện C đã thụ lý đây là vụ án Kinh doanh thương mại, nhưng ông Nguyễn Văn H không có đăng ký kinh doanh nên Tòa án nhân dân huyện C xác định lại là vụ án dân sự và đã thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Theo hợp đồng tín dụng các bên đã ký kết, giấy tờ nhân thân do ông Nguyễn Văn H cung cấp khi làm hồ sơ vay vốn thì ông H có địa chỉ tại thôn T, xã S, huyện C, tỉnh Khánh Hòa, tuy nhiên sau đó ông H thay đổi nơi cư trú nhưng không thông báo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền và cho phía ngân hàng. Do đó, đây thuộc trường hợp cố tình che dấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện. Tòa án đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà bị đơn vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở để xác định: Ngày 18/7/2014, giữa Ngân hàng TMCP N và ông Nguyễn Văn H ký kết hợp đồng tín dụng số 0104/2014/409 vay số tiền 750.000.000 đồng tại Ngân hàng TMCP N – Phòng giao dịch T, chi nhánh N; Thời hạn vay: 12 tháng kể từ ngày 18/7/2014; Mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh; Lãi suất: lãi suất cho vay trong hợp đồng tín dụng là 12%/năm, lãi suất quá hạn 18%/năm. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông Nguyễn Văn H đã không trả tiền gốc và tiền lãi phát sinh cho ngân hàng. Số dư nợ hiện nay ông Nguyễn Văn H còn nợ của Ngân hàng TMCP N là 1.059.375.000 đồng (Một tỷ không trăm năm mươi chín triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng). Trong đó:

+ Nợ gốc: 750.000.000 đồng.

+ Nợ lãi: 309.375.000 đồng (tính đến hết ngày 29/9/2017). Trong đó: Lãi trong hạn là 7.500.000 đồng, lãi quá hạn là 301.875.000 đồng.

Việc ông Nguyễn Văn H và Ngân hàng TMCP N giao kết hợp đồng tín dụng là hoàn toàn tự nguyện, nội dung thỏa thuận trong hợp đồng giữa các đương sự không trái

pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Vì vậy, hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết có giá trị pháp lý.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Nguyễn Văn H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Các khoản gốc và lãi đều không thanh toán đúng hạn, vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo thỏa thuận của Hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa hai bên. Do đó, việc Ngân hàng TMCP N khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn H thanh toán số tiền nợ bao gồm gốc và lãi cũng như số tiền lãi phát sinh từ ngày 30/9/2017 cho đến ngày trả hết nợ gốc theo mức lãi suất nợ quá hạn đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng giữa hai bên là có căn cứ, phù hợp với thỏa thuận của các bên trong hợp đồng tín dụng đã ký, cũng như quy định của pháp luật tại Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Hội đồng xét xử xét:

- Đối với yêu cầu ông H thanh toán số tiền nợ gốc: Căn cứ vào hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng TMCP N và ông Nguyễn Văn H, giấy nhận nợ ngày 19/7/2014 của ông H thì đến thời điểm xét xử ông H vẫn còn nợ Ngân hàng TMCP N 750.000.000 đồng tiền gốc. Do đó, Ngân hàng TMCP N yêu cầu ông H trả đủ 750.000.000đ nợ gốc là có căn cứ nên chấp nhận.

- Đối với yêu cầu ông H thanh toán tiền lãi phát sinh tính đến ngày 29/9/2017: Lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng là phù hợp với quy định tại Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Căn cứ vào các Bảng chiết tính nợ vay ngày 29/9/2017 thì lãi trong hạn từ ngày 18/6/2015 đến ngày 17/7/2015 là: 7.500.000 đồng; lãi quá hạn từ ngày 18/7/2015 đến ngày 29/9/2017 là 301.875.000 đồng. Tổng số tiền lãi phát sinh từ ngày 18/6/2015 đến ngày 29/9/2017 là 309.375.000 đồng. Ngân hàng TMCP N yêu cầu ông H trả số tiền này là hoàn toàn có căn cứ nên chấp nhận.

- Đối với yêu cầu ông H phải trả khoản lãi quá hạn phát sinh từ ngày 30/9/2017 đến khi thanh toán hết nợ gốc: Yêu cầu này của Ngân hàng TMCP N là phù hợp với quy định của pháp luật và hợp đồng tín dụng các bên đã ký kết. Căn cứ vào Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán TAND TC thông qua ngày 17-10-2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17-10-2016 của Chánh án Tòa án nhân dân Tối Cao, ông H phải có trách nhiệm thanh toán tiền lãi quá hạn phát sinh kể từ ngày 30/9/2017 cho đến khi thanh toán hết nợ gốc.

[2.2] Về việc xử lý tài sản thế chấp:

Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa 1563, tờ bản đồ số 03 tọa lạc tại thôn T, xã S, huyện C, tỉnh Khánh Hòa theo GCNQSD đất số BA 753969, số vào sổ cấp GCN: CH00103 do UBND huyện C, tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 07/6/2010; quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 1565, tờ bản đồ số 03 tọa lạc tại thôn T, xã S, huyện C, tỉnh Khánh Hòa theo GCNQSD đất số AL 007677, số vào sổ cấp GCN: H00226 do UBND huyện C, tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 18/8/2008; quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 1566, tờ bản đồ số 03 tọa lạc tại thôn T, xã S, huyện C, tỉnh Khánh Hòa theo GCNQSD đất số AL 065816, số vào sổ cấp GCN: H00208 do UBND huyện C, tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 08/7/2008; quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 1567, tờ bản đồ số 03 tọa lạc tại thôn T, xã S, huyện C, tỉnh Khánh Hòa theo GCNQSD đất số BC 934653, số vào sổ cấp GCN: CH00248 do UBND huyện C, tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 16/3/2011 và quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 1568, tờ

bản đồ số 03 tọa lạc tại thôn T, xã S, huyện C, tỉnh Khánh Hòa theo GCNQSD đất số BC 934805, số vào sổ cấp GCN: CH00224 do UBND huyện C, tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 31/12/2010.

Hợp đồng thế chấp tài sản giữa các bên có công chứng chứng thực, tài sản thế chấp có đăng ký giao dịch bảo đảm nên có giá trị pháp lý để thi hành. Do vậy, trường hợp ông Nguyễn Văn H không thanh toán được khoản tiền nợ cho Ngân hàng TMCP N thì tài sản thế chấp được xử lý theo các cam kết của hợp đồng thế chấp tài sản mà các bên đã ký hoặc yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự kê biên, bán tài sản đã thế chấp để đảm bảo việc thu hồi nợ theo quy định tại Điều 351 Bộ luật dân sự năm 2005.

Trường hợp ông Nguyễn Văn H thanh toán xong các khoản tiền nợ gốc và lãi thì Ngân hàng TMCP N phải trả lại cho ông Nguyễn Văn H GCNQSD đất số BA 753969, số vào sổ cấp GCN: CH00103 do UBND huyện C, tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 07/6/2010; GCNQSD đất số AL 007677, số vào sổ cấp GCN: H00226 do UBND huyện C, tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 18/8/2008; GCNQSD đất số AL 065816, số vào sổ cấp GCN: H00208 do UBND huyện C, tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 08/7/2008; GCNQSD đất số BC 934653, số vào sổ cấp GCN: CH00248 do UBND huyện C, tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 16/3/2011 và GCNQSD đất số BC 934805, số vào sổ cấp GCN: CH00224 do UBND huyện C, tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 31/12/2010.

[4] Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án. Án phí ông Nguyễn Văn H phải chịu là: 36.000.000 + (259.375.000 x 3%) = 43.781.250 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; điểm a khoản 1 Điều 12, Điều 56 và Điều 58 Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm; Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm;

Áp dụng các Điều 471, 474 của Bộ luật dân sự năm 2005;

Áp dụng Án lệ số 08/2016/AL;

Áp dụng Điều 27 Pháp lệnh về án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông Nguyễn Văn H phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP N số tiền: 1.059.375.000 đồng (Một tỷ không trăm năm mươi chín triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Trong đó:

- Nợ gốc: 750.000.000 đồng.
- Lãi trong hạn: 7.500.000 đồng.
- Lãi quá hạn: 301.875.000 đồng.

Đồng thời ông Nguyễn Văn H còn phải trả tiền lãi phát sinh từ ngày 30/9/2017 cho đến ngày trả hết nợ gốc theo mức lãi suất nợ quá hạn đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng giữa hai bên.

Trường hợp ông Nguyễn Văn H không thanh toán được khoản tiền trên cho Ngân hàng TMCP N thì tài sản thế chấp được xử lý theo các cam kết của hợp đồng thế chấp

tài sản mà các bên đã ký hoặc yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự kê biên, bán tài sản đã thế chấp. Gồm các tài sản như sau:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 1563, tờ bản đồ số 03 tọa lạc tại thôn T, xã S, huyện C, tỉnh Khánh Hòa theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng (viết tắt GCNQSD) đất số BA 753969, số vào sổ cấp GCN: CH00103 do UBND huyện C, tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 07/6/2010 cho ông Nguyễn Văn H.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 1565, tờ bản đồ số 03 tọa lạc tại thôn T, xã S, huyện C, tỉnh Khánh Hòa theo GCNQSD đất số AL 007677, số vào sổ cấp GCN: H00226 do UBND huyện C, tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 18/8/2008 cho ông Nguyễn Văn H.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 1566, tờ bản đồ số 03 tọa lạc tại thôn T, xã S, huyện C, tỉnh Khánh Hòa theo GCNQSD đất số AL 065816, số vào sổ cấp GCN: H00208 do UBND huyện C, tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 08/7/2008 cho ông Nguyễn Văn H.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 1567, tờ bản đồ số 03 tọa lạc tại thôn T, xã S, huyện C, tỉnh Khánh Hòa theo GCNQSD đất số BC 934653, số vào sổ cấp GCN: CH00248 do UBND huyện C, tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 16/3/2011 cho ông Nguyễn Văn H.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 1568, tờ bản đồ số 03 tọa lạc tại thôn T, xã S, huyện C, tỉnh Khánh Hòa theo GCNQSD đất số BC 934805, số vào sổ cấp GCN: CH00224 do UBND huyện C, tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 31/12/2010 cho ông Nguyễn Văn H.

Trường hợp ông Nguyễn Văn H thanh toán xong các khoản tiền nợ gốc và lãi thì Ngân hàng TMCP N phải trả lại cho ông Nguyễn Văn H GCNQSD đất số BA 753969, số vào sổ cấp GCN: CH00103 do UBND huyện C, tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 07/6/2010; GCNQSD đất số AL 007677, số vào sổ cấp GCN: H00226 do UBND huyện C, tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 18/8/2008; GCNQSD đất số AL 065816, số vào sổ cấp GCN: H00208 do UBND huyện C, tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 08/7/2008; GCNQSD đất số BC 934653, số vào sổ cấp GCN: CH00248 do UBND huyện C, tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 16/3/2011 và GCNQSD đất số BC 934805, số vào sổ cấp GCN: CH00224 do UBND huyện C, tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 31/12/2010.

2. Về án phí:

- Ông Nguyễn Văn H phải chịu 43.781.250 đồng *(Bốn mươi ba triệu bảy trăm tám mươi mốt nghìn hai trăm năm mươi đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn lại cho Ngân hàng TMCP N số tiền tạm ứng án phí 18.500.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2012/0002336 ngày 25/5/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Quy định chung: Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện C;
- CC THADS huyện C;
- Các đương sự ;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Hoài Tâm